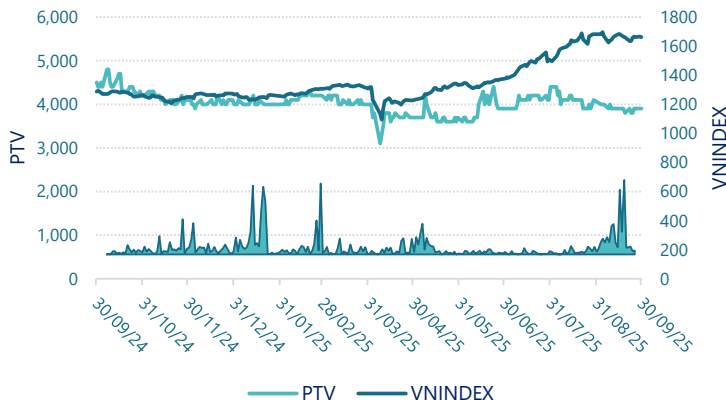




CTCP Thương mại Dầu khí (UPCOM: PTV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,100
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,310
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	78
P/E	-135710.9
EPS	

DT thuần

Q3/25

34.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.6 | 58.1%

YoY: ▲ 4.60 | 15.5%

LN sau thuế

Q3/25

-1.16

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.33 | -785%

YoY: ▼1.45 | -501%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-3.4%

+/- YoY: ▼ 5.2%

DT thuần

9T 2025

81.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.70 | -9.6%

LN sau thuế

9T 2025

-2.03

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.76 | -59.5%

ROE

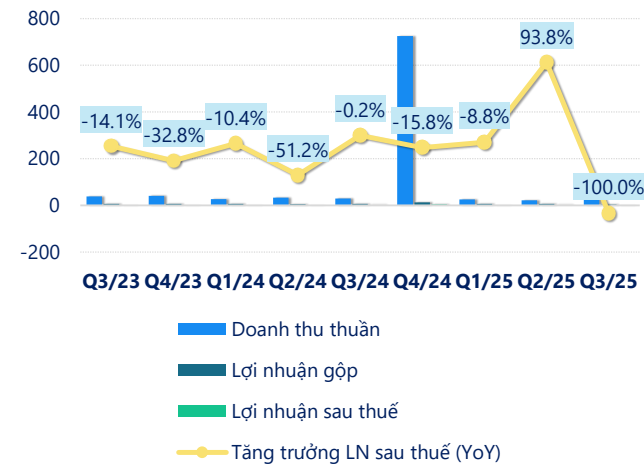
Q3/25

0.0%

+/- YoY: ▲ 1.8%

tỷ VNĐ

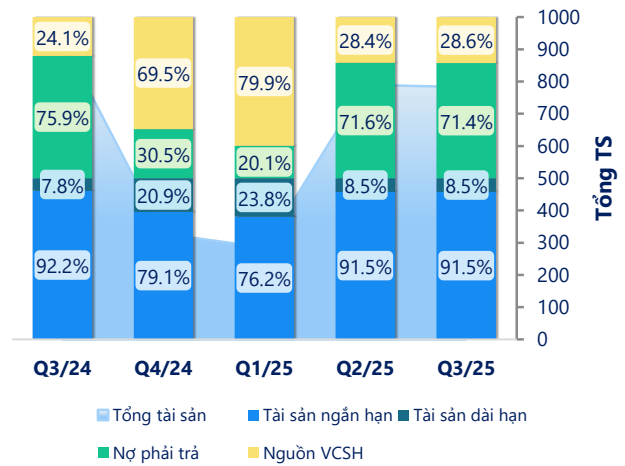
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

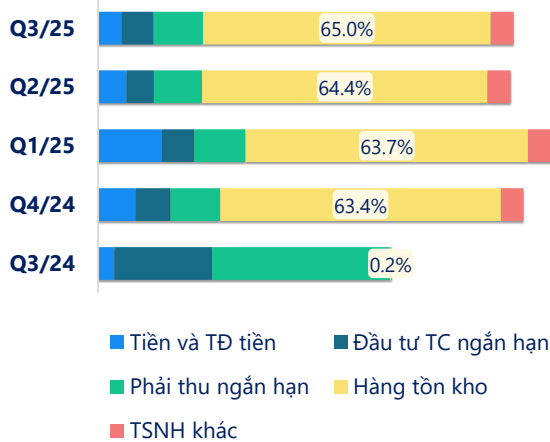
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



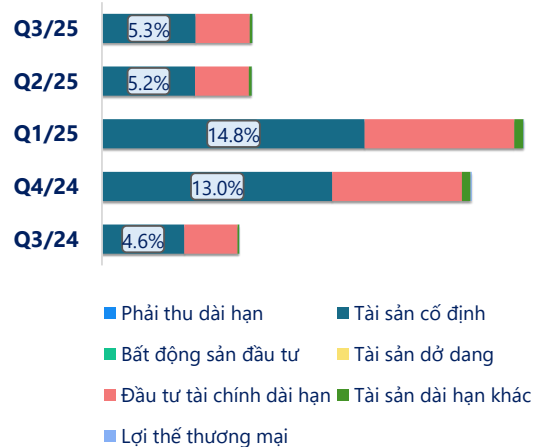
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

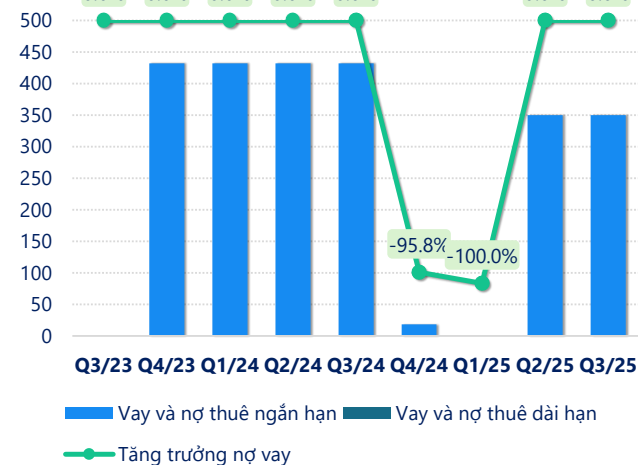
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

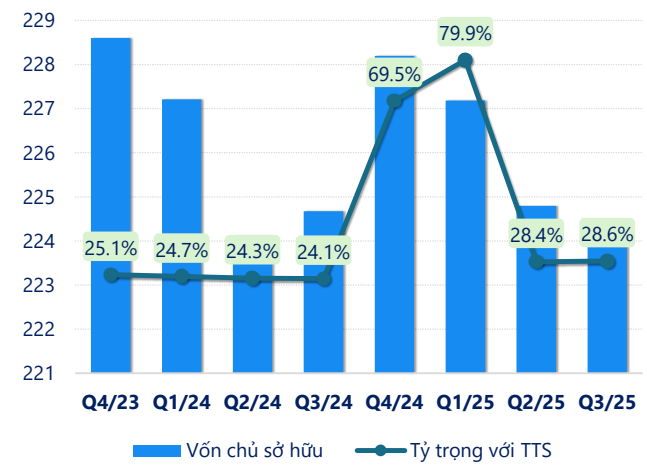
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

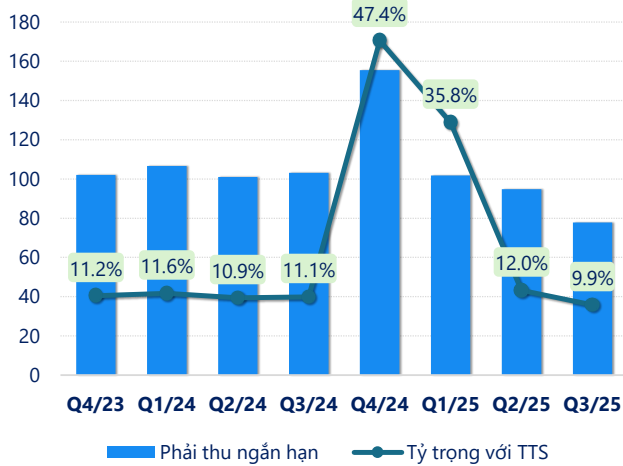
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



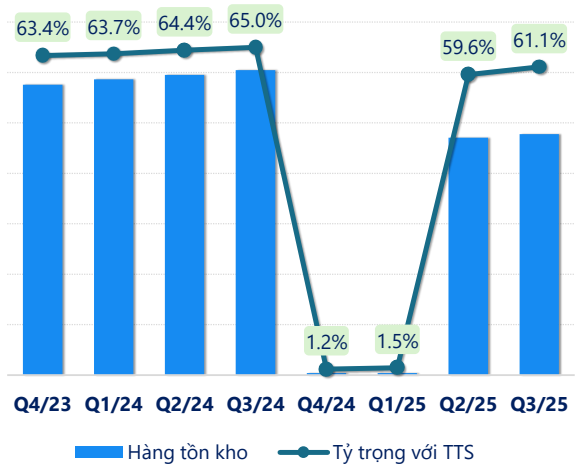
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


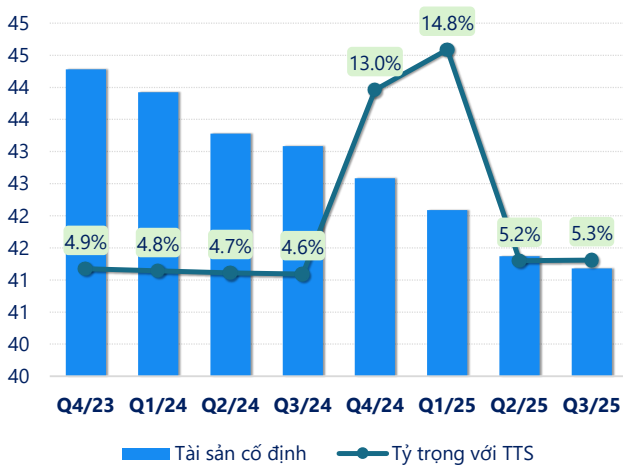
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


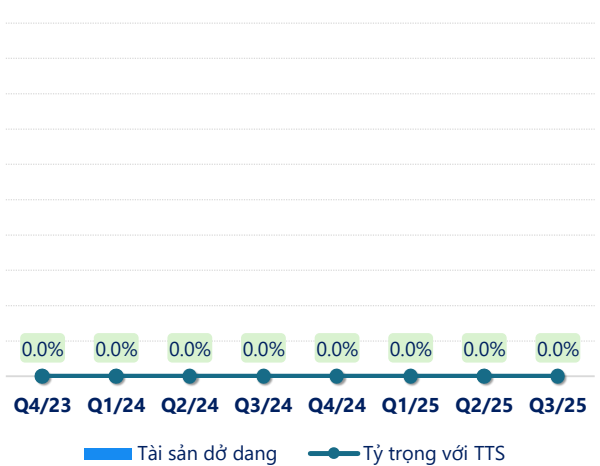
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

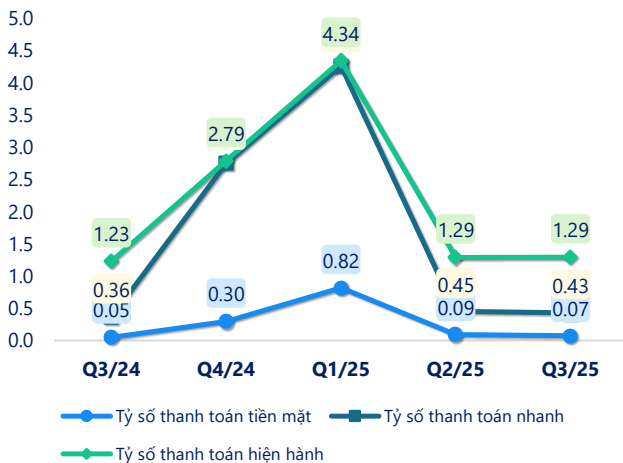
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

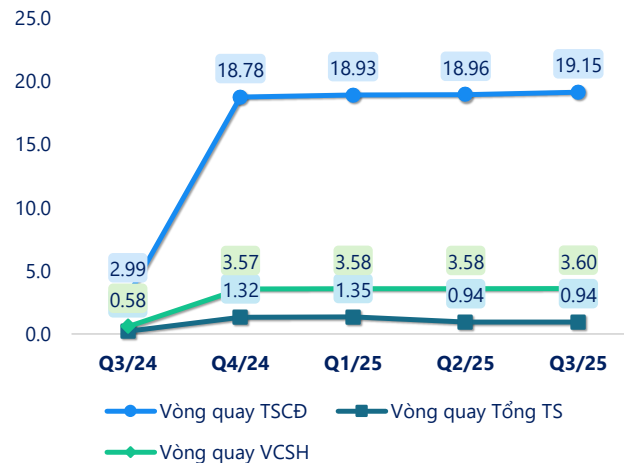
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	930	328	284	790	782
Tài sản ngắn hạn	858	260	217	723	716
Tiền và tương đương tiền	34.3	27.6	40.8	50.4	41.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.1	72.3	68.6	69.1	81.1
Phải thu ngắn hạn	103	155	102	94.9	77.7
Hàng tồn kho	605	3.90	4.17	471	478
Tài sản ngắn hạn khác	47.9	0.49	1.36	38.1	38.0
Tài sản dài hạn	72.3	68.5	67.8	66.8	66.4
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.07	0.08	0.07
Tài sản cố định	43.1	42.6	42.1	41.4	41.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	28.0	24.0	24.0	24.0	24.0
Tài sản dài hạn khác	0.90	1.62	1.46	1.32	1.16
Lợi thế thương mại	0.23	0.18	0.13	0.08	0.03
Nợ phải trả	706	100	57.2	565	558
Nợ ngắn hạn	697	93.1	49.9	560	553
Vay và nợ thuê ngắn hạn	432	18.2	0	350	350
Phải trả người bán ngắn hạn	78.2	19.2	24.5	122	20.7
Nợ dài hạn	8.76	6.95	7.33	5.17	5.17
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	225	228	227	225	224
Vốn chủ sở hữu	225	228	227	225	224
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)